

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh Tây Ninh



**ĐỆ TAM THIÊN NHÂN
HÒA ƯỚC**

Khai Tâm Quách Minh Chương
Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)

Khai Tâm Quách Minh Chương



Tòa Thánh Tây Ninh

Khai Tâm Quách Minh Chương

ĐỆ TAM THIÊN NHÂN HÒA ƯỚC

1. Định nghĩa

Đệ Tam Thiên Nhân Hòa Ước là bản thỏa ước lần thứ ba, được ký giữa Đức Thượng Đế và loài người, tương ứng với thời Tam Kỳ Phổ Độ, tức là nền Đạo Cao Đài ngày nay. Đệ nhất hòa ước được ký tương ứng với thời nhứt kỳ phổ độ. Đệ nhị hòa ước được ký vào thời nhị kỳ phổ độ. Tất cả ba thời kỳ đều có ba bản hòa ước được ký.

Đệ Tam Thiên Nhân Hòa Ước còn gọi là Tam Thánh Ký Hòa Ước vì bản hòa ước đó là bức tranh do ba vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động ở cõi thiêng liêng. Chân dung này do họa sĩ Hiền Tài Võ Minh Tông vâng lệnh Đức Lý Giáo Tông vẽ lên bia đá và dán tại Tịnh Tâm Đài của Hiệp Thiên Đài với nghi lễ long trọng, có bàn tay của Đức Hộ Pháp trấn thần.

Tam Thánh gồm Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ đứng đầu Bạch Vân Động, đã có tiền kiếp là Đức Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm trong bộ triều phục, viết chữ Nho. Vị Thánh thứ hai là Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn trong áo bá tước, đã có kiếp giáng sinh tại Pháp là nhà đại thi hào Victor Hugo viết chữ Pháp Ngữ. Vị Thánh thứ ba là Đức Ngải Tôn Trung Sơn, là nhà đại cách mạng của Trung Hoa, tay cầm nghiên mực.

Nội dung của bản hòa ước gồm hai thứ tiếng, chữ nho là “Thiên Thượng-Thiên Hạ, Bác Ái Công Bình”. Chữ Pháp là “Thượng Đế và Nhơn Loại, Bác Ái và Công Bình”. Nền tôn giáo Cao Đài với chủ hướng xây dựng nền xã hội đại đồng. Nên, bản hòa ước được đại diện bởi hai vị Thánh của Đông-Tây cùng nhau biểu hiệu cho tinh thần hòa hợp, cùng nhìn nhận tình huynh đệ, anh em một nhà, nhìn nhận Đức Thượng Đế là Đấng Cha chung, cùng thực hiện tôn chỉ nền Đại Đạo.

Bức tranh này sừng sững trước khi vào chánh điện chào lễ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đức Lý đã thực hiện theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, biểu hiệu cho tinh thần thống nhất, xóa bỏ rào cản của các quốc gia, không phân chia sắc tộc, giống nòi, hoàn toàn bỏ đi dị biệt hình thể, cùng nhau thực hiện tình bác ái giữa các dân tộc, sự hội hiệp tín ngưỡng hòa hợp, tiến tới một thế giới đại đồng trong cộng đồng hoàn vũ.

Hội Thánh còn có chú thích với Truyện Ký Tam Thánh bên cạnh, với nội dung như sau:

“TRUYỆN KÝ TAM THÁNH”

Cụ NGUYỄN BÌNH KHIÊM, nhà tiên tri danh tiếng lớn ở đời Mạc Lê, thi đậu Trạng nguyên, tước vị là Trình Quốc Công, tục gọi là Trạng Trình, giáng cơ tự xưng là Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Sư Phó của Bạch Vân Động.

“Cụ VICTOR HUGO, nhà thi gia trứ danh của Pháp quốc, giáng cơ tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là đệ tử của Cụ Nguyễn bỉnh Khiêm ở Bạch Vân Động.

Cụ TÔN DẬT TIÊN, đại cách mạng gia nước Trung Hoa, nhũ danh là Tôn Văn, giáng cơ tự xưng là Trung Sơn Chơn Nhơn, tức là đệ tử Cụ Nguyễn bỉnh Khiêm ở Bạch Vân Động”.

“Thiên Thượng, Thiên Hạ, Bác Ái, Công Bình” là nội dung cốt lõi của Trời và Người đồng ký kết. Một bên là Đấng Tối Cao, Chúa Tể Càn Khôn và một bên là đại diện cho vạn linh mà nhơn loại là người đại diện. Bản Hòa Ước này mở đầu cho cơ đại ân xá cứu độ cho vạn linh, tức là vào năm 1926, một cột mốc khởi nguyên nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, chuẩn bị bẻ hạ ngươn Tam Chuyển, bước sang thượng ngươn của Tứ Chuyển.

Con người đã đặng hưởng hai lần hòa ước, tương ứng với hai thời kỳ phổ độ. Những vẫn còn lăn trôi trong vòng tội lỗi, chưa thoát được trần gian. Đức Thượng Đế công bố một hòa ước mới cho vạn linh. Nếu con người thực hiện được bác ái-công bình, nhập vào trường Đại Đạo, tu đúng chơn pháp, Đức Thượng Đế có thể ban phẩm thiêng liêng tương xứng như Thần, Thánh, Tiên, Phật, cho tu nhất kiếp, ngộ nhưt thời.

Bức tranh Tam Thánh như lời Đức Hộ Pháp cho biết, đã nhập thể vào, mở ra một kỷ nguyên mới cho nhân loại, thể hiện giai đoạn tiếp dẫn toàn thể chúng sanh vào trường Đại Đạo của Đức Chí Tôn, hầu hưởng ân huệ ân xá, phổ độ, bành trướng nền đạo, đi đến chủ nghĩa xã hội đại đồng hoàn cầu. Một mặt hướng đạo, trương cờ đưa vạn quốc vào cửa đạo. Mặt khác, đã đến mốc nền đạo sẽ thực hiện sứ mạng phổ độ khắp cả hoàn vũ theo hòa ước mới này.

Đức Chí Tôn đã cam hứa rất rõ ràng. Nếu chúng sanh trọn thực hiện thì Đức Ngài sẽ ban phẩm, được trở về cõi thiêng liêng hằng sống. Thực hiện điều chi? Nền giáo pháp Cao Đài đã nêu rõ, người đệ tử Cao Đài phải thực hiện theo Luật và Quyền. Luật là **Luật Thương Yêu**, Quyền là **Quyền Công Chánh**. Thương yêu tức là bác ái, nó đã trở thành luật lệ của tân pháp. Còn công chánh tức là công bình.

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ cho biết rất rõ ràng ân huệ trong thời ân xá của Tam Ước này:

“Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhân loại Càn khôn Thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng” [TNHT].

2. Bài tường thuật của vị Luật Sư về buổi lễ đăt Bức Tam Thánh

Người môn đệ Cao Đài khi tường nhớ về ngày đăt bức họa Tam Thánh Ký Hòa Ước và buổi lễ trần

thần của Đức Hộ Pháp, không thể không nhắc bài tường thuật rất chi tiết của vị Luật Sư Võ Quang Tâm vào năm 1948. Xin trích lược lại:

“Buổi lễ rước tượng Tam Thánh Ký Hòa Ước khởi hành vào lúc 8 giờ sáng ngày 10-7-Mậu Tý (Dương Lịch ngày 14-8-1948). Hiện diện: Chư Chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Phước Thiện, Chức việc, Đạo hữu nam nữ, chư vị Thượng Hạ sĩ quan tham dự. Đúng giờ, Lễ viện và Dàn Nhạc đến Hộ Pháp Đường rước Đức Hộ Pháp qua Văn phòng Quốc Sự Vụ, vì nơi đây là nơi khởi đầu cuộc rước tượng ảnh. Lộ trình, trước hết hai hàng đồng nhi nam nữ, kế Bảo thể cầm đồ lỗ bộ đi hai bên Dàn nhạc, có 4 Lễ sĩ mặc áo phái Ngọc (áo tràng đỏ), 2 vị cầm lọng, 2 vị cầm tàn, hầu hai bên bàn đưa tượng ảnh, có 4 Lễ Sanh thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo không đi. Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tông vâng lệnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ: 2,80 mét x 1,90 mét. Hình tượng lớn bằng người thường. Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm cầm bút lông ngỗng và Đức Tôn Sơn cầm nghiên mực. Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ.

Hán văn: 天上天下 - 博愛公平

(THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ - BÁC ÁI CÔNG BÌNH)

Pháp văn: DIEU et HUMANITÉ - AMOUR et JUSTICE

Khai Tâm Quách Minh Chương

Đi tiếp bàn đưa có Đức Hộ Pháp mặc tiểu phục vàng, đội Tam quang mạo, kế đó là Ngài Bảo Thế, Khai Đạo mặc tiểu phục trắng, đội Tam quang mạo, kế là Chức sắc Hiệp Thiên Đại, Cửu Trùng Đài, Phước Thiện, Chức việc, Sĩ Quan, Đạo hữu và 200 học sinh Đạo Đức Học Đường đi sau rớt. Đến Đền Thánh, đi vào cửa hông phía Đông lang, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài, Bảo thế cầm đồ lỗ bộ đứng hầu hai bên. Trước hết, Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt ba lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng ba ảnh để khử trược.

Xong rồi, Đức Hộ Pháp lấy nước Âm Dương hòa lại, rải lên tượng ảnh ba cái, bắt đầu từ Đức Thanh Sơn, đến Đức Nguyệt Tâm, rồi đến Đức Tôn Trung Sơn. Rồi lấy chín cây nhang trần thần Tam Thánh, Đức Thanh Sơn trước, Đức Nguyệt Tâm kế đó, và sau rớt là Đức Tôn Trung Sơn. Đông nhi đứng trên lầu HTĐ đọc kinh Xưng Tụng Công Đức. Khi dứt kinh, Đức Hộ Pháp giải rằng:

“Trần thần ba vị Thánh rất khó, vì phải kêu chơn linh của họ đến nhập vào tượng ảnh, mà muốn chơn linh họ đến, phải thấu đáo cả căn kiếp của họ mới đặng. Còn 9 cây nhang dùng để trần thần là 9 cái thang bắc lên Cửu Trùng Thiên cho các chơn linh nương theo đó. Chẳng biết họ ở tầng Trời thứ mấy, mình cứ đưa lên đủ, họ gặp họ tới ngay, quan hệ là

trước khi trấn thần, phải xem lại coi có tắt cây nhang nào không. Thằng như họ ở tầng thứ 7 mà cây nhang thứ 6 rụi tắt đi thành ra bị cách khoảng, họ không thể tới được. Bây giờ chúng ta chỉ thông công với các Đấng trong Cửu Thiên Khai Hóa, rồi đây cũng có ngày Bàn đạo kêu lên Đức Di-Lạc ở tầng thứ 11 chưa biết chừng, khi ấy phải dùng đến 11 cây nhang, chớ không phải 9 cây nữa”.

Khi Đức Hộ Pháp trấn thần tượng ảnh Tam Thánh xong, cả nhơn viên tùng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng ra cửa trước, đi vào HTĐ, thỉnh Thánh tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra trước cửa Đền Thánh. Đức Hộ Pháp giải thích:

“1. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

2. Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ

3. Đức Tôn Trung Sơn, là đại diện của Hội Thánh Ngoại Giáo. Các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo ngoại quốc (Missionnaires étrangers), cho nên tượng ảnh ở Hiệp Thiên Đài, day mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi thiêng liêng của các Ngài. Cả ba vị Thánh đều mặc cổ phục. Cái nghiên mực trên tay Đức Tôn Trung Sơn có hào quang chiếu diệu, tượng trưng sự rục rờ của nền văn minh tối cổ Trung hoa. Cái khuôn xi măng đúc trên vách Hiệp Thiên Đài, từ ngày tạo tác Tổ Đình là để dành ngày nay đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó.

Trước kia, Bản đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lệnh của Đức Lý Giáo Tông. Ngày nay do thời cuộc biến thiên, vị Hiền Tài Lê Minh Tông ở hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lệnh vẽ tượng ảnh này, mới hiểu rằng: Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến. Trước tượng ảnh không có bàn thờ chi hết vì chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy. Kể từ ngày 10-7-Mậu Tý (dl 14-8-1948), tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài là biểu hiệu cho chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài, mở đầu một giai đoạn tiếp dẫn chúng sanh vạn quốc vào cửa Đại Đạo, mà cũng là ngày khởi đoạn sự bành trướng ra ngoại quốc”.

Cuộc lễ bế mạc lúc 9 giờ cùng ngày”.

3. Lý do có Tam Thiên Nhân Hòa Ước và cách thực thi

Đức Hộ Pháp đã cho biết rằng nhơn loại đã từng ký hai bản hòa ước trước kia, nhưng đều bội phản. Nên, Đức Chí Tôn dụng lòng thương yêu, đến với sắc dân hèn mọn này mở đạo và cho ký bản hòa ước thứ ba. Vì thất đức, bất đạo, phản trắc trong những thỏa hiệp trước, nhơn loại phải đi trên con đường diệt vong, tương tranh, tương sát cùng nhau.

Các giáo pháp cứu độ đã được hoằng khai đề hướng dẫn nhơn loại tu tiên, đắc quả. Trải qua mấy ngàn năm, con người dần dần sửa cải, làm chánh pháp trở thành phạm pháp, không phươn đưa người tu trở về.

Tu nhiều mà thành thì ít. Ngọc Hư Cung và Lôi Âm bác cổ và phá luật, nên pháp môn không thể đủ năng lực dẫn độ chúng sanh đi đến con đường giải thoát. Tình cảnh ấy trở nên thất pháp và bội phản với những hòa ước đã được xây dựng.

“Vì có cho nên Đức Chúa Jêsus Christ thương nhơn loại một cách nồng nàn thâm thúy, Ngài đã nói thấy Nhứt Kỳ Phổ Độ nhơn loại ký hòa ước với Chí Tôn mà đã bội ước, nên phạm Thiên Điều, nhơn quả nhơn loại gớm ghiết, do nhơn quả ấy mà tội tình nhơn loại lưu trữ đến ngày nay, Thánh Giáo gọi “tội tổ tông” chính mình Ngài đến, đến với một xác thịt phạm phu, Ngài đến giơ tay để ký đệ nhị hòa ước với Đức Chí Tôn chịu tội cho nhơn loại, ký đệ nhị hòa ước đặng dìu dắt chúng sanh trở về cùng Đấng Cha lành của họ tức nhiên là Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ chúng ta ngày nay đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q 2, bài 59].

Đối với bản hòa ước, nó có giá trị với nhơn loại trong mỗi thời kỳ vì đó là ơn huệ, tình đại ái của Đức Thượng Đế ban cho chúng sanh, vạch ra con đường tu để trở về với Đức Ngài. Tuy nhiên, một khi đã ký thì phải thực hiện rõ ràng, trọn vẹn. Nếu bội ước, tức nhiên nhơn loại phạm đến Thiên Điều, gây nên nhơn quả khổ đau. Chính vì sự mất thỏa ước, không thực hiện đặng, hai bản hòa ước kia đã bị chúng ta chối bỏ, Đức Thượng Đế mới phải ban ơn cứu độ, lập bản hòa ước thứ ba, hầu vớt chúng sanh ra khỏi vòng tội lỗi.

Đức Thượng Đế đã đến thế mở đạo Cao Đài, tức là lập bản hòa ước mới, hầu tạo hạnh phúc cho nhơn loại, giúp chúng sanh biết trọng bác ái, công bình, kiến tạo đời sống thái bình nơi mặt địa cầu 68 này, chẳng khác nào cơ quan giải thoát cho nhơn loại. Bằng có, Đức Hộ Pháp thuyết đạo rất rõ:

“VẬY ĐỨC CHỈ TÔN ĐẾN CẬY NHƠN SANH LÀM THÁNH THỂ CỦA NGÀI, NGÀI PHẢI BỒI THƯỜNG, PHẢI TRẢ MẮT CHO NGƯỜI, NGƯỜI TA MỚI PHỤNG SỰ CHO NGÀI TRẢ BẰNG CÁCH ĐẾN KÝ HÒA ƯỚC VỚI LOÀI NGƯỜI NHỨT LÀ VỚI DÂN TỘC VIỆT NAM NÀY TRƯỚC ĐÃ, NẾU CÁC NGƯỜI THAY THỂ CHO TÔI PHỤNG SỰ CON CÁI TÔI, TÔI CÓ PHẬN SỰ LẬP VỊ THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT CHO CÁC NGƯỜI CHỊU KHÔNG? NẾU CÁC NGƯỜI CHỊU LÀM TÔI CHO CON CÁI TÔI, CHO VỪA SỨC TÔI MUỐN, CHO VỪA SỞ Ý TÔI ĐỊNH, THÌ TÔI SẼ TRẢ MẮT CHO MẤY NGƯỜI, VÌ CÔNG ÁY TÔI THƯỜNG LẠI NGÔI THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT, TỨC NHIÊN TÔI ĐEM ĐƯA CƠ QUAN GIẢI THOÁT NƠI TAY MẤY NGƯỜI, MẤY NGƯỜI ĐẠT ĐƯỢC NƠI THẾ NÀY THẾ NÀO, NƠI CÔI VÔ HÌNH TÔI CŨNG KHÔNG CHỐI CẢI. BỞI CHÍNH MÌNH NGÀI CẬY LÀM TÔI TỚ CHO CON CÁI NGÀI TẠI THẾ NÀY, NGÀI MỚI ĐEM PHẨM VỊ THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT ĐƯA CHO TA. NẾU CHÚNG TA ĐẠT ĐƯỢC, KHI TRỞ VỀ CÔI HƯ LINH CHƯ THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT VÀ ĐỨC CHỈ TÔN KHÔNG HỀ CHỐI CẢI MÀ CHẴNG CÓ QUYỀN LUẬT NÀO ĐỊNH CẢI ĐƯỢC PHẨM VỊ CỦA CHÚNG TA DO PHỤNG SỰ VẠN LINH MÀ LẬP ĐƯỢC TẠI THẾ NÀY” [Thuyết Đạo, Q 3, bài 08].

bản hòa ước vốn vẹn chỉ có Bác Ái và Công Bình nhưng vô cùng khó khăn. Để thực hiện trọn vẹn công trình ấy, thỏa hiệp ấy, hơn loại phải dâng hiến tam thể xác thân cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, làm tô tở phụng sự một cách đáo đẽ, thì mới vẹn toàn và được trở về con đường thiêng liêng hằng sống.

Hòa ước ấy là một luật điều tối trọng đối với người đệ tử Cao Đài. Thực hiện theo hòa ước, tức phải tùng theo Luật và Pháp. Luật tức là Bác Ái, Pháp tức là Công Bình. Luật công bình tạo đoan càn khôn xưa nay vẫn vậy, hữu công, hữu đức thì nhập vào trường thánh. Mà hành giả buộc phải có lòng thiện từ, xúc cảm với vạn vật, sanh chúng xung quanh, thực hiện lòng thương yêu vô đối, nghĩa là bác ái.

Hễ đủ bác ái, mở tâm hồn rộng mênh mông, không bờ bến thì thấu hiểu mặt luật công bình tạo đoan. Có hiểu và thấu thậm thâm thì người đệ tử Cao Đài mới dám xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, đem hạnh phúc của mình cho người khác.

Mặt khác, công bình là nét thiên lý lưu hành, chúng ta phải gội rửa tội tình, oan khiên bấy lâu đã gieo tạo. Muốn vậy, phải Tam Lập, phải lập công, lập đức, lập ngôn. Muốn trả khối nợ ấy duy chỉ có cách là dụng công phổ độ chúng sanh theo lời Đức Hộ Pháp mà thôi. Sở hành của chúng ta phải thực hiện đệ tam Thiên Nhân Hòa Ước cho kỳ được, nghĩa là phổ độ chúng sanh mà thôi. Còn đối với Đức Thượng Đế, Đức Ngài làm theo hòa ước, tức là gieo trường thánh

đức, mở cửa thiêng liêng, ban phẩm Thân, Thánh, Tiên, Phật cho chúng ta ân hưởng.

Còn bác ái, chúng ta phải phụng sự đạo pháp, phụng sự nhơn sanh. Biết đạo, hiểu chơn pháp của Đức Chí Tôn, không con đường nào khác hơn nữa. Công quả phụng sự đạo pháp và nhơn sanh là con đường tiệm cận tiến tới hoàn bị hòa ước. Một khi thực hiện thành tựu, Đức Chí Tôn cho phép đoạt thủ địa vị thiêng liêng. Thực hiện hòa ước đó, vừa giải quả tiền khiên, vừa có thể lập vị cõi vô vi. Bằng cớ, Đức Thượng Đế đã tuyên phán:

“Thầy đến độ rồi các con là lập thành một Trường Công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến Trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ” [TNHT].

Như vậy, Đức Thượng Đế đã đến với nhơn loại trong thời tam kỳ, chuyên pháp, lập tân pháp cho nhơn sanh tu hành, mở trường thi công quả cho chúng ta thi thố, đắc đạo. Đắc đạo tức nhiên phải thực hiện theo Luật và Pháp đã định theo Đệ Tam Thiên Nhân Hòa Ước trên. Con đường đi không khó, không dễ. Dễ hay khó do lòng chí thành của ta mà thôi. Đức Thượng Đế cũng đã phán rằng chúng ta muốn đến Cực Lạc, thì phải đi cửa này mà thôi.

Nếu muốn trả nghiệp oan khiên, thanh thoi, tiêu nhân, lập vị mà không lập côn phổ độ chúng sanh, không nhập vào trường thi công quả thì cái mơ vọng ấy cũng chỉ là giấc mộng, là bọt biển, là thành bằng cát mà thôi. Chúng ta tin chắc rằng lời của Đức Thượng Đế là chơn lý hằng hữu, thì ráng thi thố trong trường thi, làm bài thi cho kỳ được.

Theo Đức Hộ Pháp, thực hiện hòa ước là trách nhiệm của người đệ tử Cao Đài. Chúng ta phải làm hình ảnh của Đức Thượng Đế, đem hết cả tinh thần Từ Bi, Công Chánh ra đối với cả vạn linh, dung hòa Vạn Linh hiệp với Chí Linh. Sứ mạng ấy chính là dung hòa đạo và đời cho tương đắc. Nếu ta thực hiện nghiêm theo cam hứa thì Đức Thượng Đế chắc chắn lập vị cho con cái của Đức Ngài.

“Đêm nay Bản Đạo đình thuyết Bí Pháp, cái nguyên do thế nào Bản Đạo xin minh biện ra. Vả chăng, chúng ta đang ở trong hoàn cảnh náo nhiệt, vì hai thuyết duy tâm và duy vật đang chiến đấu với nhau, chúng ta dầu Chức Sắc Thiên Phong hay là mấy em nam nữ cũng thế, là một phần tử trong Thánh Thể Đức Chí Tôn. Ngài đã tạo tinh thần chúng ta, vì sự thương yêu của Ngài, Ngài lập thiên vị tại thế này cho con cái thương yêu của Ngài, Ngài biểu chúng ta ký hòa ước với Ngài, để thay thế hình ảnh cho Ngài, đem hết tinh thần từ bi công chánh của Ngài, đối với Vạn Linh, tức nhiên chúng ta phải thay thế hình ảnh cho Ngài, dung hòa Vạn Linh hiệp với Chí Linh, tức

nhiên Ngài cho ta cái sứ mạng để dung hòa Đòi với Đạo” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3].

4. Đệ nhất hòa ước

Đệ nhất hòa ước đã ra đời tương ứng với thời kỳ phổ độ lần thứ nhất của Đức Thượng Đế. Khi ấy, loài người được tạo ra tức là hạng hóa nhân tiến hóa trong hạng thấp hơn, được lên làm người. Đức Thượng Đế mới cho 100 ức Nguyên Nhân giáng trần để khai hóa cho nhơn loại tại quả cầu này để sống có đạo đức. Loài người càng cấp tiến lên, càng xa vòng đạo đức, thú tánh vẫn ít nhiều chi phối. Còn các bậc Nguyên Nhân không tròn sứ mạng, lại chịu thúc phược của hồng trần, nhiễm luyến, không phương hồi nguyên về cựu vị.

Trong bối cảnh ấy, Đức Thượng Đế thương xót, mới giáng đạo, mở ra nhất kỳ phổ độ. Và như thế, có đệ nhất hòa ước được ký giữa Trời và Người. Nội dung của đệ nhất hòa ước là 10 giới răn được ban cho Thánh Moise bên Do Thái để công bố cho cả chúng sanh. Nếu ai thực thi đúng như giới răn ấy thì Đức Chúa Trời rước về nước hằng sống. Còn người nào không tuân theo, tất nhiên phải chịu trong vòng tội lỗi, không được Đức Chúa Trời ban phẩm tước xứng đáng, không thể trở về nước hằng sanh.

Nội dung của 10 giới răn như sau:

- “*Ngươi sẽ không có những thần nào khác trước nhan Ta*

- Người sẽ không tạc tượng thân, tạc hình vật gì nơi trời bên trên trên hay nơi đất bên dưới, hay trong nước bên dưới đất. Người sẽ không thờ lạy chúng và phụng sự chúng, vì Ta, Yavê Thiên Chúa của người, Ta là Thiên Chúa ghen tuông phạt tội cha ông trên con cháu đến ba bốn đời, đối với những ai thù ghét Ta, và giữ nghĩa đur ngàn với những ai yêu mến Ta và giữ các lệnh truyền của Ta.

- Người sẽ không hư từ nêu Danh Yavê, Thiên Chúa của người vì Yavê sẽ không dung kẻ hư từ nêu Danh Người

- Người hãy nhớ đến ngày hưu lễ để tác thánh ngày ấy. Trong sáu ngày người sẽ lao động và làm mọi công việc của người. Nhưng ngày thứ bảy là hưu lễ kính Yavê Thiên Chúa của người; người sẽ không làm bất cứ việc nào, người và con trai con gái người, tớ trai tớ gái của người. Vì trong sáu ngày, Yavê đã làm nên trời đất, biển và tất cả mọi sự trong các nơi ấy, nhưng Người đã nghỉ ngày thứ bảy; bởi thế Yavê đã chúc lành cho ngày thứ bảy và tác thánh nó

- Hãy trọng kính cha mẹ người, ngõ hầu ngày đời người được kéo dài trên thừa đất Yavê Thiên Chúa của người sắp ban cho người

- Người sẽ không giết người

- Người sẽ không ngoại tình

- Người sẽ không trộm cắp

- *Người sẽ không làm chứng gian cáo tội đồng loại*

- *Người sẽ không mê muốn nhà cửa của đồng loại, Người sẽ không mê muốn vợ của đồng loại, tờ trai tờ gái của nó, bò lừa của nó, và bất cứ vật gì của nó”.*

Những hòa ước đó đã được giao kết và được gọi là Cựu Ước, được ghi cẩn trọng trong Kinh Thánh của Do Thái Giáo. Sau này, Thiên Chúa Giáo và cả hệ phái Tin Lành cũng đồng nhìn nhận vào khuôn mực của hiệp ước ấy và áp dụng trong đời sống của mỗi Kito hữu.

5. *Đệ nhị hòa ước*

Trước ơn huệ đầu tiên tức là nhứt kỳ phổ độ, nhơn loại đã nhìn Đức Thượng Đế và chú tâm chuyên tu tập, làm theo giới răn của đệ nhất hòa ước. Bao nhiêu tình thương, bấy nhiêu mối đạo được mở ra thời kỳ đầu để dẫn dắt sanh chúng vào đường tu niệm. Các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng ra đời để độ rỗi.

Tuy vậy, nhơn loại cũng vẫn còn chìm đắm, hôn mê trong mùi vật dục, tham nhiễm vật tình, xa căn cội thánh chất, nuôi nâng phàm tâm. Nên, dần dà hòa ước thứ nhất đã đi ngoài đời sống con người, bỏ xa giao ước với Đức Chúa Trời, xem như hòa ước thứ nhất bị bôi xóa bởi nhơn loại.

Trước tình cảnh ấy, Đức Thượng Đế lại đem tình thương đến giáo độ, mở nhị kỳ phổ độ với đầy đủ Ngũ Chi. Có Thần Đạo ở Trung Hoa, Ai Cập, Hy Lạp, Nhật Bản. Có Thánh Đạo tại Trung Hoa do Đức Khổng Tử khai mở, chấn hưng san định lại tư tưởng cổ nho, hình thành nền phong hóa Khổng Đạo đồ sộ. Có Tiên Đạo do Đức Lão Tử, là phân thân của Đức Thái Thượng, mở tại Trung Hoa. Có Phật Đạo do Đức Phật Thích Ca khai mở tại Ấn Độ. Tất cả hình thành một khối văn minh tôn giáo, cốt đưa người tu tâm, dưỡng tánh, làm lành, lánh dữ, đề ra phương pháp đắc đạo.

Đặc sắc hơn và phương pháp lạ lẫm hơn là Thánh Giáo do Đức Chúa Jesus mở ra tại Trung Đông, tiếp diễn sau thời kỳ đệ nhất hòa ước bị nhơn loại bỏ quên, đánh lạc thiên lương. Đức Chúa Jesus thương nhơn loại nồng nàn, thâm thúy, cao rộng. Thấy được cảnh gieo tội vì bội phản với đệ nhất hòa ước, tức là phạm Thiên Điều, Đức Ngài giáng phàm bằng xác thịt, lấy máu tươi của mình để cứu chuộc loài nhơn.

“Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của nhơn loại đã đầy đầy, Ngài chỉ xuống tại mặt thế này làm con tế vật dâng chuộc tội tình cho nhơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí Tôn để nơi tay của nhơn loại, bàn tay đó đã ký đệ nhị hòa ước cho nhơn loại, nó làm cho Ngài thế nào? Do tay Ngài ký tờ hòa ước với Chí Tôn, nên hai tay của Ngài bị đóng đinh trên cây thập tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước nhơn

loại diu đường hằng sống cho họ, rồi hai chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh Giá, còn trái tim yêu ái nhơn sanh vô hạn ấy bị một mũi kiếm vô tình đâm ngay cạnh hông của Ngài, lấy giọt máu cuối cùng đó dâng cứu nhơn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Tội nguyên tuyền hay tội tổ tông làm con người mất tình liên đới với Đức Thượng Đế. Đức Chúa Jesus như một hiện thân của Đức Chúa Trời, đến để ký đệ nhị hòa ước, diu dẫn sanh chúng trở lại với khối thiên lương của Đức Thượng Đế. Sự hiện diện của Đấng Jesus đã làm loài người được phục sinh trở lại, xóa bỏ rào cản giữa Đức Đại Từ Phụ và con cái Người.

Đức Chúa Jesus đã có trái tim yêu ái, giơ hai bàn tay để xin tội và chuộc tội nhơn sanh nên đã bị đóng đinh, đôi chân nguyên thủy thương yêu cũng phải bị đóng trên thập tự giá. Máu Đức Ngài đã đổ, đổ để gọi nhữn ân đức chúng sanh, đưa chúng sanh trở về với sự thương yêu. Tình ái vô biên đó vẫn truyền thừa đến ngày nay và rao giảng khắp hoàn vũ.

Tiếc thay! Nhơn loại cũng nặng phạm, ít thánh mà dần dần làm phai dấu thánh truyền. Bao nhiêu giáo pháp cũng bị hủy trong bàn tay phạm của nhơn loại, đến đời phải bị thất sách, không phương cứu rồi. Ngọc Hư Cung và Lô Âm Tự đều bác cổ, phá tự. Chúng sanh tu nhiều nhưng thành chẳng bao nhiêu.

Đệ nhị hòa ước cũng đã biến phai theo năm tháng, con người lại phạm Thiên Điều lần thứ hai. Đức Thượng Đế mới gieo nhị kỳ phổ độ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ứng với đệ tam hòa ước, đưa thuyền Bát Nhã cho sanh chúng tu hành.

6. Sơ nét về Tam Thánh

❖ *Thánh thứ nhất*

Vị Thánh thứ nhất là Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ, đã có kiếp giáng trần tại Việt Nam, là Đức Ngài Nguyễn Bình Khiêm, tôn hiệu là Trạng Trình sinh năm 1491 và mất năm 1585. Theo các tư liệu của đạo Cao Đài, Đức Ngài là cũng đã từng có kiếp giáng sanh tại Trung Hoa, là Bạch Vân Hòa Thượng, một chiết linh của Đức Từ Hàng Bồ Tát.

Trong đạo, Đức Ngài lãnh phận sự làm Chương Giáo Hội Thánh Ngoại Giáo. Như chúng ta đã biết, cơ quan này có trách nhiệm khai hóa nhơn sanh hải ngoại, năm cơ truyền giáo, độ rỗi sanh chúng các nước, nhập vào trường Đại Đạo của Đức Chí Tôn. Khi Đức Hộ Pháp tạm nghỉ trong vòng 06 tháng để tham dự Đại Lễ Khai Đạo tại chùa Gò Kén, Đức Ngài trở lại làm việc theo lời dạy của Đức Chí Tôn.

Pháp Quốc sợ Đức Hộ Pháp truyền bá rộng rãi tại quốc nội, bèn cử Đức Hộ Pháp sang Cao Miên công tác. Đức Ngài đến Miên Quốc và cùng Đức Cao Đức Trong, sau được phong là Tiếp Đạo, thì Đức Chí Tôn thiên phong cho một số vị và có Đức Nguyệt

Tâm Chơn Nhơn chắm phái và Đức Ngài cũng phong cho một số vị nữ phái. Từ cơ sở này, Đức Hộ Pháp lập thành Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại hay còn gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo. Ngài Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được công cử làm chủ trưởng. Cơ quan này dưới quyền chưởng quản thiêng liêng là Đức Chưởng Giáo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

Trong hoạt phổ giáo, Hội Thánh này chỉ trong vòng trên dưới một năm trường, nhưng đã độ rồi hàng vạn người cầu đạo. Tuy vậy, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn vẫn than trách vì chư Chức Sắc tham quyền, nội dung được thể hiện qua đàn giáng cơ năm 1932:

“Bản đạo chào Quyền Giáo Tông, Hộ Pháp, Tiếp Đạo và Hội Thánh Ngoại Giáo. Nam Nữ Thiên phong, xin nghe: Nước Thiên đường thì ít kẻ, cửa Địa ngục vẫn nhiều người, chưa từng thấy hạng nhơn sanh nào mà tự trọng thân hình, chẳng hữu ích chi cho cả cơ Tạo, mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngôi vị thiêng liêng chẳng phải do nơi sự cầu may mà đoạt đặng.

Bản đạo khi đắc lệnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thế cho nhơn sanh dăng công đổi vị. Bản đạo chẳng kể là nguyên nhân, hóa nhân, hay là quỷ nhân, vì biết lập công thì thành đạo. Bản đạo để cho mỗi người tự do định phận, lại tùy thế khó khăn mà gây thành công quả. Ấy vậy, nếu lấy phép công bình thì tự nhiên nên thì thâu, hư thì bỏ. Bản đạo đã

chán thấy kẻ bất lực rất nhiều. Vậy Bàn đạo để lệnh cho mỗi vị Thiên phong xét mình, khai tội cùng Giáo Tông và Hộ Pháp, rồi sau mới định rõ điều thưởng phạt. Thăng”.

Đó là những lời răn dạy, nhắc nhở của Đức Ngài lúc tại vị. Hội Thánh Ngoại Giáo đã làm việc đặc lực, thu phục nhiều chính khách quan trọng để thương thuyết, đem lại sự tự do truyền bá nền đạo khắp Đông Dương. Thành quả ấy do Hội Thánh này đã dày công, vượt qua bao nhiêu gian khó, mới độ rỗi hàng vạn người nhập đạo và được Thiên Phong nhiều phẩm cao rỗi.

Ngày 13 tháng 08 năm Bính Thân [17-09-1956], Đức Hộ Pháp lưu vong sang Cao Miên, Đức Ngài cầu cơ cùng Ngài Hồ Bảo Đạo, Đức Quyền Giáo Tông giảng cơ cho hay, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đã từ chức vai trò chưởng giáo Hội Thánh Ngoại Giáo cũng như hủy bỏ cơ quan này vì cơ quan đã không đặc lực, phản lại Đức Hộ Pháp.

“Qua chào mấy em,

Khi này, Đức Thanh Sơn có khuyên mấy em gắng công hành đạo. Chính Qua cũng phải nhìn nhận mấy em thiếu công nghiệp cùng Đạo.

Mấy em nam nữ đã thấy rõ vì lẽ nào mà Chưởng Đạo Nguyệt Tâm đã từ bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chẳng? Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (Đạo hiệu của Giáo Sư Thượng Bửu Thanh)

Khai Tâm Quách Minh Chương

năm quyền đến nay, sự nghiệp Đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi tội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn.

Qua nói thiệt cùng mấy em rằng: Vì hổ thẹn ấy mà Chưởng Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo. Các em đã hiểu rõ điều ấy. Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp.

Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ, nhưng Ngài quyết hẳn, vì có là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động, dựng chia phe phân phái, lập quyền Đồi của họ.

Các em có biết chằng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng tức là Đức Thanh Sơn, khi lãnh lệnh Ngọc Hư thì người hứa rằng: Hộ Pháp trọn quyền sử dụng các chơn linh Bạch Vân Động. Hôm nay lời ước nguyện ấy đã thất” [Đức Quyền Giáo Tông].

Qua bài Thánh Giáo trên, cho chúng ta thấy cơ quan đã làm việc đắc lực, nhưng không tòng Hội Thánh Trung Ương, phản lại Đức Hộ Pháp, mà ra đến nổi Đức Nguyệt Tâm phải giải thể, từ chức. Cái nạn danh, lợi, quyền đã giục khiến lỗi đạo.

Đến ngày 03 tháng 07 năm Quý Sửu [01-08-1973], Đức Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức có thánh lệnh số 65, tái lập lại Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, chọn Đức Ngài Hồ Bảo Đạo làm chủ trưởng.

Về kiếp giáng trần tại Việt Nam, Đức Ngài chính là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm có tên là Văn Đạt, tự là Hanh Phủ, hiệu Bạch Vân cư sĩ, sinh năm Tân Hợi [1491], người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, trấn Hải Dương (nay là thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Khoa thi năm Ất Mùi, triều Mạc Đăng Doanh [1535], ông đỗ Tiến sĩ đệ nhất danh tức Trạng Nguyên, được trao chức Đông các hiệu thư, dần thăng lên làm Hữu thị lang kiêm Đông các Đại học sĩ. Ông được liệt vào hàng đệ nhất công thần, được phong tước Trình tuyền hầu, đến Thượng thư Bộ Lại, Thái bảo, tước Trình Quốc công.

Năm 1542, sau khi dâng sớ xin chém 18 kẻ lộng thần không được chấp thuận, ông treo mũ từ quan về quê nhà ở ẩn, dựng quán Trung Tân, lập am Bạch Vân làm trường dạy học, sáng tác thơ ca, lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Am trở thành trung tâm đào tạo nhân tài cho đất nước, với nhiều tên tuổi lưu danh sử sách, như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Giáp Hải... Nguyễn Bình Khiêm không còn tham dự quốc chính, nhưng nhà Mạc vẫn trọng vọng ông, thường hỏi ý kiến về những việc trọng đại. Ông mất ngày 28 tháng Mười Một năm Ất Dậu [tức 17/01/1586], thọ 95 tuổi. Học trò suy tôn ông là Tuyết Giang phu tử.

Đức Ngài Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là nhà nho yêu nước, nhà lý học đại tài được các học giả

kính phục, sử sách ghi lại và lưu truyền trong nhân gian về tài tiên đoán hậu vận, gọi là sấm ký... Ông còn là một nhà thơ lớn, để lại cho hậu thế trên 1.000 bài thơ [620 bài thơ chữ Hán, 153 bài thơ Nôm], tiêu biểu như các tập thơ “Bạch Vân am thi tập” bằng chữ Hán và Bạch Vân quốc ngữ thi tập bằng chữ Nôm. Thi phẩm của Đức Ngài Nguyễn Bình Khiêm mang giá trị nghệ thuật cao, bút pháp tinh thâm, đề cập đến nhiều vấn đề của cuộc sống, như: tình yêu quê hương, đất nước, châm biếm đả kích bọn tham quan...

Theo một số nguồn tư liệu, đền thờ Nguyễn Bình Khiêm được xây dựng sau khi ông mất và hoàn thành vào cuối năm 1586. Còn theo “Tứ Vũ bi ký...” lập năm Vĩnh Hựu thứ hai [1736] hiện lưu tại di tích, đền dựng từ sau khi ông mất, đến năm 1735, dân làng Trung Am, tổng Thượng Am đóng góp công của trùng tu, tôn tạo lại đền để thờ phụng. Vào năm 1928, đền tiếp tục được trùng tu, với kiến trúc chữ “đinh”, mang đậm phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Năm 1991, nhân kỷ niệm 500 năm sinh Nguyễn Bình Khiêm, di tích được tu bổ, phục hồi, mở rộng, dựng tượng đài, lập quảng trường, xây hồ bán nguyệt, với quy mô và cảnh quan như hiện nay.

Đức Ngài ban đầu được phong làm Đông Các Học Sĩ, sau lại được phong lên tước Trình Tuyên Hầu, tiếp tục lại thăng lên Lại Bộ Thượng Thư Phó Trình Quốc Công. Về tác phẩm, Ngài để lại ấn tượng nhất là Bạch Vân Am Thi Tập và quyển Sấm Ký và nhiều bài

thi đường. Chủ yếu các tác phẩm đều mang tính chất tiên tri, thú ần cư, cảnh an nhàn tự tại, than phận, trách đời. Đức Ngài mất ngày 28 tháng 11 năm Ất Dậu, 1585, thọ 95 tuổi.

Đền thờ Đức Ngài Nguyễn Bình Khiêm tọa lạc giữa không gian rộng lớn, quay hướng Đông, phía trước là hồ nước; phía Bắc là triền đê và dòng Tuyết giang; phía Đông hướng nhìn ra biển cả bao la; phía Nam là xóm làng; phía Tây với những cánh đồng lúa, thuốc Lào xanh ngắt. Đền thờ Đức Ngài Nguyễn Bình Khiêm có tổng diện tích 91.500,7m² [khu vực I: 3.137,5m², khu vực II: 88.327,2m²], bao gồm các hạng mục: Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm; đền thờ Thân phụ, Thân mẫu Đức Ngài Nguyễn Bình Khiêm; am Bạch Vân; quán Trung Tâm; tháp Bút Kinh Thiên; mộ phần cụ Nguyễn Văn Định; quảng trường, tượng đài.

Đức Hộ Pháp có thuyết giảng về căn nguyên của Đức Ngài như sau:

“Hôm nay là ngày Vía Đức Quan Âm Bồ Tát, Bàn Đạo đã thường nói nơi cửa thiêng liêng hằng sống, Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng ở trong gia tộc sang trọng oai quyền hơn hết. Cái nguyên căn của Đức Quan Âm Bồ Tát do nơi pháp thân của Từ Hàng sản xuất. Quan Âm đến thời đó chỉ rõ cho chúng ta biết nguyên căn của mình, Quan Âm là cái thời gian của luật tạo Càn Khôn thế giới, ấy là một chơn linh rất cao trọng đó vậy, cũng như Đức Lý Thái Bạch là

một chơn linh của ánh sáng. Hào quang Thái Cực khi đã hiện ra tức nhiên bóng đèn chúng ta ngó thấy khối lửa có ánh sáng kia tức nhiên là Đức Lý Giáo Tông.

Đức Quan Âm Bồ Tát đã cầm quyền nhứt thống oai nghiêm chẳng cần luận thuyết, cả thầy cùng đều biết cái quyền oai của Ngài vĩ đại như thế này, nhứt là phái nữ nên để ý bài giảng này cho lắm. Và chẳng, thời gian chúng ta, sẽ nói thời gian mà thôi, chúng ta phải kiên nhẫn và từ hòa, nếu chúng ta háp tấp hay lật đật, thì chẳng hề khi nào chúng ta để thời gian đến trước mặt chúng ta đặng.

Chơn linh của Người tức nhiên thể tánh của Người, chúng tỏ rằng: một Đấng đã có 52 kiếp ở trong trái địa cầu 68 này, và có đảm nhận trọng trách lớn lao hơn hết, là buổi trái địa cầu này nó chưa có thoát xác của nó, là nó đầu kiếp lụng lại cho tới đệ tứ chuyển ngày nay. Đức Quan Âm Bồ Tát đã cầm quyền điều khiển trong Càn Khôn Vũ Trụ này từ thử đến giờ đã 52 kiếp.

Ngài đã đầu thai thế gian này mấy kiếp, vì có tánh đức từ hòa và tinh thần đạo pháp mà thôi, tỷ như Bạch Vân Hòa Thượng, Bạch Vân là ai? Bạch Vân là Ngài, ngày nay Ngài ở trong cửa Đạo, trong một cơ quan trọng yếu của Tam Kỳ Phổ Độ này.

Bạch Vân Hòa Thượng kiếp trước là Đức Quan Âm Bồ Tát đầu kiếp ở bên nước Tàu trước, rồi mới đầu kiếp ở bên xứ Việt Nam, ta kêu là Thanh Sơn Đạo

Sĩ tức nhiên là Trạng Trình đó vậy, Thanh Sơn Đạo sĩ đầu kiếp bên Pháp là Ralagode Bourgall, 52 kiếp có một kiếp trọng hệ có thâm tình với nòi giống Việt Nam ta hơn hết, chúng ta có hạnh phúc lắm, mới được Ngài đầu kiếp ở trong nước hai lần, lần thứ nhất đầu kiếp làm người đàn bà tức nhiên Thị Kính, chúng ta đã biết Quan Âm là ai rồi. Bởi vậy cho nên buổi Tam Kỳ Phổ Độ này Đức Chí Tôn đã chọn lựa một Đấng cao trọng cho đến mặt địa cầu 68 này, có lẽ chúng ta đều biết danh Ngài hết, nhất là Ngài lựa chọn một Đấng có thâm tình với nòi giống chúng ta hơn hết, cái tánh đức từ hòa yêu ái của Ngài, chúng ta đừng kiếm Đức Quan Âm đâu xa hơn là Thị Kính. Kiếm cái đức Thị Kính thế nào, thì tánh đức trạng thái của Quan Âm như thế ấy, tánh đức của Ngài là từ hòa nhân nhục, hiền lương, ân tha mọi điều oan khức, chịu nổi thẳng nỗi thời gian là Đức Quan Âm. Đức Quan Âm chọn linh của Ngài là thời gian cho nên tánh đức của Ngài không bao giờ thối tâm ngã lòng hay bất rất, gấp rút, lật đật. Bà là người điềm tĩnh, bởi thế cho nên Bà đầu kiếp người ta vu oan đủ mọi điều, nhưng tánh đức từ hòa nhân nhục của Bà vẫn chịu nổi đủ phương diện khổ não và oan khức, chịu nổi thế tình ấy là một vị Trạng Sư đặc lực và oai quyền nơi cảnh thiêng liêng hằng sống bảo vệ cả nữ phái vậy. Chúng ta lấy làm hạnh phúc lắm Bàn Đạo lấy làm mơ vọng và Bàn Đạo nói quả quyết rằng: rất hạnh phúc cho chọn linh kẻ nào được gia tộc của Ngài, gia tộc vinh hiển tối cao tối trọng trên cửa thiêng liêng hằng sống,

dầu bên cửa Thiên Oai hay là bên Cực Lạc thế giới cũng thế.

Bản Đạo nói quả quyết rằng: Ngài là một Đấng Phật Mẫu yêu ái hơn hết, tôn trọng hơn hết” [Thuyết Đạo, Q.3, bài 05].

Như thế ấy, Thánh thứ nhất là Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ, là nguyên căn từ Đức Quan Âm Bồ Tát mà Đức Quan Âm Bồ Tát là do nơi pháp thân của Đức Từ Hàng. Đức Ngài cũng chính là Bạch Vân Hòa Thượng đã có kiếp tại Trung Hoa, có kiếp giảng sanh tại Việt Nam là Đức Ngài Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

❖ Thánh thứ hai

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ, đã vâng mạng lệnh Đức Thượng Đế mở Hội Thánh Ngoại Giáo, tức là Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại. Đức Ngài thường giảng cơ dạy đạo và phong thánh cho nhiều chư Chức Sắc. Đức Ngài đã từng có kiếp giảng sanh tại Pháp Quốc với danh hiệu là Victor Hugo, là một nhà thơ lỗi lạc thời ấy. Ở Việt Nam, Đức Ngài chính là đại thi hào Nguyễn Du. Để minh chứng và dễ hiểu, xin trích lược Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp.

“Đức Victor Hugo tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là một Đấng Thiêng Liêng tại Quảng Hàn Cung. Khi tái kiếp Ngài sanh tại thành Besançon Pháp Quốc nhằm ngày 26-02-1802, Ngài từ trần tại Paris ngày 22-05-1885, hưởng thọ được 83 tuổi.

Từ buổi Đạo khai tại Tân Quốc, thì Ngài giảng cơ với danh hiệu là Chưởng Đạo Nguyệt Tâm, Chưởng Quyền Hội Thánh Ngoại Giáo, Ngài là một nhà thi sĩ trứ danh của nước Pháp trong thế kỷ thứ 19, lúc còn thiếu thời Ngài thường châu lưu ở nước Italie (Ý Đại Lợi), ở nước Espagne (Tây Ban Nha) kế trở về Paris. Khi lên 10 tuổi thì Ngài đã sẵn có tài thi văn đến lúc trưởng thành thì những văn từ thi phú Ngài làm đều là những tác phẩm lỗi lạc hoạt bát tình tứ cao thâm, nên trong trường đời Ngài đã nổi danh là thi bá, đứng đầu trong các bậc kỳ nhân trong thời buổi ấy. Lần hỏi tên tuổi của Ngài đã nêu danh nơi Hàn Lâm Viện và Ngài trở nên một Đại Công Thần danh dự của Pháp Triều buổi ấy.

Đến sau cuộc cách mạng 1848 tại nước Pháp, Ngài đắc cử vào Hạ Nghị Viện lớn lao để bảo tồn nền chánh trị và luật pháp trong nước. Lúc Ngài lãnh trách nhiệm trọng yếu ấy, Ngài đã lăm phen trở tài hùng biện và binh vực quyền lợi cho dân Pháp với những lẽ công chánh như là sự tự do. Nước Pháp trong buổi ấy chưa yên, nên cách 3 năm sau ngày 2-12-1851 lại có cuộc nội biến. Ngài phải buộc lòng từ giã Paris ra ngoại quốc, mãi đến năm 1870 ngày 4-9 Ngài mới trở lại trường chánh trị. Lúc đó Ngài đã 68 tuổi, từ ấy đến sau Ngài đã đem hết nhiệt tâm mà chuyên lo cần mẫn vì nước vì dân cho đến ngày qui vị.

Trong kiếp sanh của Ngài rất vinh diệu cho nước Pháp ngoài những chuyện sử thi văn kiệt tác đối

với quê hương dân tộc Pháp, Ngài còn để dấu trong trường chánh trị một danh thể bất thủ. Vì vậy mà khi Ngài qui vị, đám táng Ngài rất long trọng, quan cửu và linh vị đặng hưởng đặc ân của nước Pháp để vào Công Thần Miếu (Panthéon).

Ấy vậy thật là một vĩ nhân và một Đại Công Thần nước Pháp đó vậy. Bản Đạo cũng nên cho toàn đạo hiểu rồi đừng lầm tưởng chúng ta ngày nay đương tôn sùng lễ bái kỷ niệm một vị vĩ nhân Công Thần của Pháp như trên đã nói đó là tôn sùng người Pháp.

Nghĩ vì Ngài cũng có công trình khai đạo từ sơ khai thọ mạng linh Đức Chí Tôn lãnh quyền Chưởng Đạo cầm đầu Hội Thánh Ngoại Giáo. Ngài thường giảng cơ giáo hóa và phong Thánh cho chư Chức Sắc Ngoại Giáo, hưởng chi chúng ta ngày nay cả thầy đều đặng hiểu biết tiền kiếp của Ngài trước kia tái kiếp nước Pháp thì Ngài đã có một kiếp sanh tại nước Việt Nam là Đức Nguyễn Du là một nhà thi sĩ, tác phẩm truyện Kim Vân Kiều mà ngày nay cả thế giới đều nhận bản tác phẩm ấy là vô giá, nhưt là chúng ta dân tộc Việt Nam càng vinh hạnh hơn hết” [Thuyết Đạo, Q. 3, bài 07].

Về kiếp giảng sanh tại Pháp, Ngài Victor Hugo [26 tháng 2, 1802 tại Besançon – 22 tháng 5, 1885 tại Paris] là một nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch danh tiếng nhất của nước Pháp, là nhân vật dẫn đầu phong trào lãng mạn của nền Văn Chương Pháp. Victor

Hugo là con út của ông Joseph Léopold Sigisbert Hugo [1773-1828) và bà Sophie Trébuchet [1772-1821]. Ông sinh năm 1802 tại Besançon thuộc vùng Franche-Comté và ông đã sinh sống tại Pháp gần hết cuộc đời. Tuy nhiên, ông đã chọn cuộc sống tha hương dưới thời vua Napoléon III của Pháp — ông đã sống ở Bỉ năm 1851, ở đảo Jersey [1852-1855] và ở đảo Guernsey [1855-1870 và 1872-1873].

Ngài Victor Hugo chào đời vào ngày 26 tháng 2 năm 1802 trong tỉnh Besancon, nước Pháp, là con trai thứ ba của ông Joseph Léopold Sigisbert Hugo, vốn là con của một người thợ mộc, nhưng ông Joseph đã phục vụ quân đội Pháp trong thời kỳ Cách Mạng và lên tới cấp bậc thiếu tá, rồi về sau do lòng dũng cảm và công trạng chiến trường, trở thành một vị tướng trong đội quân của Napoléon. Ông Joseph đã trung thành với chế độ mới, từ Hội Nghị Quốc Ước tới Đế Chế Thứ Nhất, đã phục vụ cho Joseph Bonaparte và quân vụ đã khiến cho Tướng Hugo này phải đi làm việc tại nhiều nơi.

Victor Hugo đã đi thăm cha tại nước Ý vào tuổi lên 5 và theo học trường tiểu học tại Madrid, nước Tây Ban Nha, vào tuổi lên 9. Ký ức về tuổi trẻ xa xứ đã được Victor Hugo ghi lại sau này qua các tập thơ và các vở kịch. Trái ngược với người cha theo Cách Mạng Pháp, bà mẹ của Victor Hugo lại là một phụ nữ có tính độc lập, cương quyết, theo phe Bảo Hoàng và không ưa cuộc đời nay đây mai đó của vợ một quân

nhân, vì thế vào năm 1812, bà Joseph Hugo đã định cư tại thành phố Paris và từ nay, ba người con trai của bà theo đuổi một nền giáo dục căn bản. Sự khác biệt vì tư tưởng chính trị, vì tính tình tương phản giữa hai ông bà Hugo đã dẫn đến việc ly dị chính thức vào năm 1818. Victor Hugo sống với mẹ, nên vào thời gian đầu, đã theo khuynh hướng bảo hoàng.

Ngài Victor Hugo là con trai nhỏ nhất, đã theo học tại trường trung học Louis-le-Grand [1816- 18]. Cậu Victor này từ nhỏ đã có thiên khiếu về văn thơ, vào tuổi 15 đã yêu thương cô bạn gái hàng xóm tên là Adèle Foucher và đã dự tính sau này theo ngành văn học để có thể kết hôn với người yêu. Tại trường trung học, Victor Hugo là một học sinh xuất sắc về Toán Học và Văn Chương. Năm 1817, Victor Hugo lãnh được bằng khen danh dự của Hàn Lâm Viện Pháp về một bài thơ dự thi rồi tới năm 1819, đã đoạt giải nhất trong một kỳ thi thơ phú toàn quốc.

Năm 1818, Victor Hugo ghi danh vào Đại Học Luật Khoa Paris nhưng việc theo học này đã không đều và không có chủ đích. Các kỷ niệm về thời sinh viên nghèo này đã được phản ánh qua nhân vật Marius trong cuốn truyện “Những Kẻ Khốn Cùng”.

Luật Khoa không phải là tham vọng của Victor Hugo bởi vì trong các cuốn sổ của ông đã ghi đầy các bài dịch nhiều vở kịch, các bài thơ, đặc biệt là các thi phẩm của Virgil. Do sự khuyến khích của bà mẹ, Victor Hugo đã lập ra tạp chí văn học “Le

Conservateur Littéraire” [Người bảo quản văn chương, 1819-21] qua đó, các bài của ông viết về hai nhà thơ Alphonse de Lamartine và André de Chénier, đã được nhiều người chú ý. Trong một cuốn sổ ghi, Victor Hugo đã viết: “Tôi sẽ trở nên một Chateaubriand hoặc chẳng ra gì”. Chateaubriand là nhà văn hàng đầu của nước Pháp vào đầu thế kỷ 19.

Khi bà mẹ qua đời vào năm 1821, Victor Hugo đã từ chối nhận trợ cấp của cha và chịu đựng cuộc sống thiếu thốn:confused:. Cũng vào năm này, ông cho xuất bản thi phẩm đầu tiên có tên là "Odes et poesies diverses" [Các bài thơ ngắn và thơ nhiều loại] qua đó các cảm tình bảo hoàng đã khiến cho ông nhận được món tiền trợ cấp 1,000 quan một năm của Vua Louis 18 rồi nhờ số tiền này, Victor Hugo đã kết hôn với người yêu Adèle Foucher và họ đã có với nhau 4 người con.

Năm 1823, Ngài Victor Hugo phổ biến cuốn truyện tiểu thuyết đầu tiên tên là Han d'Islande [Đại Hãn của Ai Nhĩ Lan], mô tả sự man rợ của một bộ lạc chặt đầu người bằng búa đá và uống máu kẻ địch. Cuốn truyện này được dịch sang tiếng Anh vào năm 1825 và được nhà báo Charles Nodier cho là có giá trị nên ông này đã mời Victor Hugo tham gia vào nhóm các nhà viết văn thuộc trường phái lãng mạn. Nhóm văn hữu này mang danh hiệu là Cénacle và cũng do mối liên lạc này mà Victor Hugo quen biết Saint-

Beuve, một nhà phê bình văn chương Pháp độc đáo của thế kỷ 19.

Nhóm văn hữu Cénacle họp mặt thường xuyên tại thư viện Arsenal, họ đã đề cao tự do là các nguyên tắc của nghệ thuật và đời sống. Vào thời kỳ này, Victor Hugo đã phổ biến một loại báo văn học có khuynh hướng ôn hòa với tên là Muse Francaise (Thi Thần nước Pháp, 1823-24). Năm 1824, Victor Hugo cho xuất bản tập thơ ngắn Nouvelles Odes [Các bài thơ ngắn mới] rồi 2 năm sau, xuất hiện cuốn tiểu thuyết Bug-Jargal (bản dịch tiếng Anh là The Slave King = nhà Vua nô lệ). Tập thơ “Odes et Ballades” là một ấn bản năm 1826, bao gồm nhiều bài thơ Victor Hugo đã làm ra trước kia và các bài thơ sau này mang tính lãng mạn, sau đó là tập thơ “Les Orientales” [Đông Phương, 1829] gợi lên các phong vị lãng mạn và màu sắc của phương đông. Bằng các tập thơ ngắn này và qua cách dùng các nhịp thơ, các hình ảnh rục rờ, Victor Hugo dần dần trở nên một nhà thơ lãng mạn.

Thiên tài của Victor Hugo đã thể hiện qua trường phái Lãng Mạn như là một nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch qua kịch bản “Cromwell” xuất bản năm 1827. Kịch bản này nổi tiếng vì lời tựa dài, soạn công phu, qua đó Victor Hugo đã đề cập tới chủ thuyết của trường phái Lãng Mạn (a doctrine of Romanticism) trong một kỳ thi thơ phú toàn quốc. Victor Hugo cho rằng các tương phản của đời người, thiện hay ác, đẹp

hay xấu, vui hay buồn, phải được tự do thể hiện trong các cách diễn tả và bài tựa của vở kịch "Cromwell" của ông đã phá vỡ các luật lệ cổ điển chi phối cách viết kịch từ các thời kỳ trước. Victor Hugo đã cổ vũ cho việc chấp nhận Shakespeare là một nhà soạn kịch kiểu mẫu, ông ủng hộ lập trường tự do trong ba nguyên tắc viết kịch về thời gian, nơi chốn và hành động, và chủ trương rằng trong vở kịch phải có cả các sự việc bi-hài, có cả sự tầm thường lẫn sự cao cả và như vậy, trường phái Lãng Mạn đã lấn sang địa hạt sân khấu.

Về kiếp giáng trần tại Việt Nam, Đức Ngài là đại thi hào Nguyễn Du. Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng 01 năm 1766 – mất năm 1820, tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn Lạp Hộ, Nam Hải điều đồ, là một nhà thơ, nhà văn hóa lớn thời Lê mạt Nguyễn sơ ở Việt Nam. Ông được người Việt kính trọng tôn xưng là “Đại thi hào dân tộc” và được UNESCO vinh danh là “Danh nhân văn hóa thế giới”.

Năm 1803, khi vua Gia Long ra Bắc, Nguyễn Du từ Quỳnh Hải đem quân lương đi đón vua Gia Long, đến Phù Dung, trấn Sơn Nam Thượng thì gặp vua Gia Long, vua phong ngay tri huyện Phù Dung, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam [nay là huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên]. Sự kiện này giống như Phi Tử đời Chiến Quốc dâng ngựa cho vua Chu Hiếu Vương mà được chức Phụ Dung, nên Nguyễn Du có danh hiệu là Phi Tử.

Nhờ thời kỳ đi giang hồ, Nguyễn Du đã thông thạo các ngôn ngữ Trung Quốc, nên chỉ mấy tháng sau thăng tri phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng [nay thuộc Hà Nội], ông được đặc cách lên ải Nam Quan tiếp sứ nhà Thanh sang phong sắc cho vua Gia Long. Năm 1805, ông được thăng Đông các học sĩ, tước Du Đức hầu và vào nhậm chức ở kinh đô Phú Xuân. Năm 1807, ông được cử làm giám khảo kỳ thi Hương ở Hải Dương. Mùa thu năm 1808, ông xin về quê nghỉ. Năm 1809, ông được bổ chức Cai bạ (hàm Tứ phẩm) ở Quảng Bình. Năm 1813, ông được thăng Cần chánh điện học sĩ [chính Tam phẩm] và được cử làm chánh sứ sang nhà Thanh. Năm 1814, ông đi sứ về, được thăng Lễ bộ hữu Tham tri [tòng Nhị phẩm]. Năm 1816, anh rể Nguyễn Du là Vũ Trinh vì liên quan đến vụ án cha con Tổng trấn Nguyễn Văn Thành nên bị đày vào Quảng Nam.

Chúng ta không thể không nhắc đến tác phẩm Truyện Kiều khi nhắc đến thi hào Nguyễn Du. Tác phẩm còn gọi là Đoạn trường tân thanh được Nguyễn Du sáng tác vào đầu thế kỉ 19 [khoảng 1805 – 1809]. Tác phẩm được sáng tác dựa trên cốt truyện “Kim Vân Kiều Truyện” của Trung Quốc, tác phẩm bao gồm 3254 câu thơ lục bát. Truyện Kiều có giá trị nghệ thuật và giá trị nhân văn sâu sắc. Tác phẩm tố cáo, lên án xã hội cũ, một chế độ phong kiến thời xưa quá thối nát. Giá trị nhân văn được thể hiện ở chỗ Nguyễn Du đã thành công thể hiện được sự xót thương và tình

cảm của mình dành cho Thúy Kiều, một người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng lại bạc phận, bị tước đi quyền làm người, quyền mưu cầu hạnh phúc. Những biện pháp nghệ thuật được sử dụng như ẩn dụ, tả cảnh, ngụ tình và những tình huống truyện vô cùng độc đáo. Từ những chi tiết đó dù trải qua lớp bụi của thời gian Truyện Kiều vẫn là một tác phẩm kinh điển, làm nên tên tuổi và để lại rất nhiều cảm xúc trong lòng người đọc.

Qua bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, chúng ta tin rằng Đức Ngài đã vâng mạng lệnh của Đức Chí Tôn, góp công vào công trình khai mở, giáo đạo, lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang, Campuchia, đem lại nhiều vẻ vang cho sự nghiệp Đại Đạo.

❖ *Thánh thứ ba*

Đó là Đức Tôn Trung Sơn, thuộc Bạch Vân Động, đã có kiếp giáng sanh tại Trung Hoa với danh hiệu là Tôn Văn thời nhà kỳ mẫn Thanh. Tôn Trung Sơn là nhà cách mạng vĩ đại, người đóng vai trò quan trọng trong cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911, lật đổ triều đại Mãn Thanh và khai sinh ra Trung Hoa Dân Quốc. Ông được người dân yêu mến, tôn kính và xưng ông là quốc phụ.

Tôn Trung Sơn (1866 –1925), nguyên danh là Tôn Văn, tự Tải Chi, hiệu Nhật Tân, Dật Tiên. Thời niên thiếu, ông sang Honolulu (quần đảo Ha-oai) ở với người Anh buôn bán kinh doanh, ở bên đó ông

theo học các trường tiểu học và trung học của người Âu Châu.

Năm 1883, Tôn Trung Sơn trở về nước, theo học trường Đại học y khoa ở Hương Cảng và trở thành bác sĩ. Trong hoàn cảnh đất nước đang bị đế quốc xâm xé, ông thấy việc cứu nguy cho toàn xã hội quan trọng hơn là trị bệnh cho một vài người, nên ông bỏ nghề y tham gia hoạt động chính trị.

Thời trung học, ông học tại trường ‘Iolani, được dạy dỗ bởi những người Anh theo Anh giáo. Tại đây, ông lần đầu tiếp xúc với Kitô giáo và bị ấn tượng sâu đậm. Ông tham dự Nhà thờ Đạo Tế (được sáng lập bởi Hội Truyền giáo London vào năm 1888) trong khi học Y khoa ở Hồng Kông. Việc ông theo đạo Kitô liên hệ tới những lý tưởng cách mạng và nỗ lực cải tiến đất nước.

Năm 1894, ông thành lập Hưng Trung Hội ở Honolulu, là Hội cách mạng đầu tiên của giai cấp tư sản Trung Quốc đề ra Cương lĩnh: “Đánh đuổi giặc Thát, khôi phục Trung Hoa, sáng lập chính phủ hợp quyền”. Hội đã thu hút nhiều nhân sĩ và thanh niên Trung Quốc yêu nước tham gia, quyên góp kinh phí, mua sắm vũ khí chuẩn bị các cuộc khởi nghĩa Quảng Châu năm 1895, Huệ Châu năm 1898 dự định kết hợp với phong trào phản đế của Nghĩa Hòa Đoàn ở

miền Bắc, nhưng đã không thành công, ông lại phải lưu vong ra nước ngoài.

Năm 1905, Tôn Trung Sơn hợp nhất Hưng Trung hội với một số tổ chức cách mạng ở trong nước, lập thành Trung Quốc Đồng minh hội do ông làm Tổng lý. Trên tờ Dân báo, cơ quan ngôn luận của Hội, ông đã đề xướng Chủ nghĩa Tam dân: “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”. Từ đó, phong trào cách mạng tiến mạnh hơn trước.

Từ 1905, Trung Quốc Đồng Minh Hội tổ chức nhiều cuộc binh biến ở các tỉnh miền Nam, nhưng không thành công. Sau này, Hội vận động được binh sĩ ở thành phố Vũ Xương (Hồ Bắc) nổi dậy khởi nghĩa và giành được thắng lợi mở đầu cách mạng Tân Hợi. Tôn Trung Sơn về nước, được đại hội đại biểu các tỉnh họp tại Nam Kinh đề cử làm Tổng thống của Chính phủ trung ương lâm thời.

Năm 1912, Tôn Trung Sơn nhậm chức tại Nam Kinh và tuyên bố thành lập nước Trung Hoa dân quốc. Ông đã ban bố bản Lâm thời ước pháp (Hiến pháp lâm thời) để làm cơ sở cho việc xây dựng nước Trung Hoa dân quốc. Nhưng chẳng bao lâu sau, mọi thành quả cách mạng lại bị rơi vào tay bọn quân phiệt phản động Viên Thế Khải. Tôn Trung Sơn lại phải trải qua một chặng đường đấu tranh mới đầy gian lao khổ ải. Để lôi kéo bọn quân phiệt Bắc Dương theo cách mạng, ông đã từ chức Tổng thống lâm thời để cho Viên Thế

Khải. Viên lên làm Tổng thống chính thức nước Trung Hoa dân quốc, tuy đã buộc vua Thanh là Phổ Nghi thoái vị, nhưng cũng có nhiều hành động phản bội lại phong trào cách mạng, tước bỏ dần những thành quả của cách mạng Tân Hợi. Đồng thời, ông cũng tập hợp các lực lượng cách mạng ở các tỉnh phía Nam chống lại Viên, nhưng bị đàn áp nhanh chóng mà lịch sử gọi là Cuộc cách mạng lần thứ hai.

Để ghi nhớ những đóng góp của vị lãnh tụ vào cuối thời kỳ nhà Thanh, Nhà tưởng niệm Tôn Trung Sơn được xây dựng tại Đài Bắc và hoàn thành vào ngày 16 tháng 05 năm 1972. Với lối kiến trúc cổ xưa pha lẫn nét hiện đại, tòa kiến trúc tráng lệ và uy nghiêm được đặt trong không gian quảng trường Chung – shan với tượng đài Tôn Trung Sơn uy nghi, vững chắc như cánh tay vững chắc bảo vệ cho nhân dân cả khu vực, nhiều hoa tô điểm xung quanh.

7. Tổng luận

Đệ Tam Thiên Nhân Hòa Ước đã khóa lấp hố ngăn cách giữa Trời và Người. Con đường hữu hình sẽ gần cánh cửa vô vi hơn, như sanh sẽ được hưởng ân huệ ân xá, rộng đường lập vị cho mình khi một lòng nhất trí, kiên định làm theo cam hứa của bản hòa ước. Từ mốc lịch sử năm 1926, con người đã có bản hòa ước thứ ba, tạo phương pháp đặc lực để có thể tiến đến con đường giục tấn thiên liêng hằng sống.

Chúng ta thấy rõ rằng bản hòa ước là một công thức mà phương pháp lập giáo của Đức Thượng Đế công khai hóa trong hành tàng chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Dầu chức sắc đại Thiên Phong, dầu môn đệ Cao Đài nhỏ nhất, cũng nằm trong khối thương yêu của Đức Ngài, chung hiệp trong việc thực thi hiệp ước ấy. Ai cũng phải đi trong khuôn khổ đó, làm hình ảnh Đức Thượng Đế tại thế, thi thố phận sự giao kết giữa Vạn Linh và Chí Linh hiệp một.

Hai hình thể Đạo và Đòi luôn phản khắc. Đòi hướng đến duy vật, vô đạo. Còn Đạo thì duy tâm tôn giáo. Người sống với hòa ước, tức nhiên phải nghiêng theo đạo, đem triết lý Đại Đạo sống. Sống để phụng sự, thực hiện rõ nét Bác Ái-Công Bình. Nghĩa là phần tử của đạo Cao Đài phải làm môi giới đặng dung hòa Đòi và Đạo. Giữ đặng hiệp ước ấy, tức nhiên buộc chúng ta phải lấy trí khôn ngoan, thánh tâm gìn giữ không cho nghiêng đổ trên hành trình đi.

“Cái lý thuyết duy vật, là cái lý thuyết sống của đòi, còn cái lý thuyết duy tâm phải chăng là cái sống của Đạo. Đáng lý ra chúng ta phải tòng bên mặt duy tâm thì mới phải, bởi chính mình chúng ta có sứ mạng thay thế vị chủ của duy tâm tức nhiên chúng ta phải ngã bên mé duy tâm hơn hết, vì đã có ký hòa ước với Đấng Chí Linh kia giữ công chánh đặng dung hòa tinh thần Đòi với Đạo, vì mức công chánh ấy chúng ta không nên nghiêng đổ đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Thật vậy, nền Đại Đạo Tam Kỳ là cơ quan cứu khổ của Đức Thượng Đế lập tại quả cầu này để nhơn loại tu hành, giải khổ, đoạt thủ địa vị thiêng liêng, thoát chốn phong trần giả tạm này. Nền đạo ấy muốn thiết hiện cho hoàn toàn, không chi khác hơn phải làm ra nét Công Chánh và Bác Ái. Nền đạo là cơ quan giải thoát, chúng ta đi theo chơn Ngài, ký hòa ước với Đức Ngài, buộc ta phải làm, phải làm tới tở cho Đức Ngài đặng giúp giải khổ thể xác, tâm hồn, giải thoát linh hồn cho sanh chúng. Đức Ngài dụng phước chiêu hồn sanh linh trở về với Đức Ngài. Chúng ta đã thay hình ảnh Đức Ngài, phải ban vui, cứu khổ, phải đưa con cái của Ngài về với Ngài, thì hòa ước kia sẽ giúp con cái Cao Đài trở về cõi thiêng liêng hằng sống.

Chúng ta thấy trong phương pháp tạo hình thể đạo, cơ quan Hiệp Thiên Đài có trách vụ lớn lao, cầm quyền công bình Thiêng Liêng tại thế. Do đó, người của Hội Thánh Hiệp Thiên phải ý thức lớn lao về trách nhiệm ấy. Công bình là một khoản trong hòa ước mà cơ quan Hiệp Thiên đảm trách hơn hết.

“Các bạn Hiệp Thiên Đài, các người cầm cân công bình Thiêng Liêng của Đạo mà Đức Chí Tôn đã để tại nơi mặt thế này, hạnh phúc hay đau khổ của toàn thể nhơn loại một ngày kia đều mơ vọng trên mặt cân của Chư Hiền Hữu. Bản Đạo xin nhắc lại lời yêu thiết của Đức Chí Tôn đã hòa ước với chúng ta là: "Công bình" mà công bình ấy Bản Đạo đã gởi nơi Hiệp Thiên Đài đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Đức Hộ Pháp còn cho chúng ta biết rằng đạo Cao Đài đã lãnh sứ mạng diu dắt con cái của Đức Ngài trở về với Ngài, tức là phải dụng bác ái, tức là Luật Thương Yêu để độ toàn thể con cái Người. Còn Đức Thượng Đế quyền của Đức Ngài lấy Quyền Công Chánh ra.

Nhìn rõ bằng phương pháp cách vật trí tri, lấy trí khôn ngoan lương tâm mà định thì khuôn khổ thiên nhiên đã rõ. Cha mẹ hữu hình cũng vì thương yêu mà nuôi nấng, bảo dưỡng, ôm ấp, che chở, nuôi thành hình, dạy cho lớn khôn, muốn con cái thành danh, có địa vị trọn lành. Nhưng cha mẹ buộc phải có công chánh ngang đều đối với đám con. Nếu cư xử không đồng, mặt luật công bằng sẽ bị phá vỡ. Nên, cha mẹ phải vừa công chánh, vừa thương yêu mới trọn trách vụ làm phụ mẫu.

Khuôn khổ hữu hình ấy noi theo khuôn linh tạo đoan. Cho nên khuôn mực thiêng liêng cũng dường ấy. Nên, Đức Thượng Đế buộc nhưn sanh thực thi Luật và Quyền ấy trong cửa đạo, đưa sanh chúng vào nếp sống thiêng liêng. Đó chính là con thuyền cứu khổ đề tại mặt thế này. Chúng ta muốn làm môn đệ Cao Đài, không thể chối bỏ luật thiên nhiên ấy, tức là bản hòa ước đã định nơi Đại Đạo này.

Theo bản hòa ước này tức là noi khuôn khổ tạo càn khôn của Đức Thượng Đế vậy. Đức Ngài buộc con cái Người phải biết nhìn nhận nhau trong tình cốt nhục, anh em cùng Đấng Phụ Mẫu thiêng liêng. Tạo

đạo ra, Đức Ngài gieo hạt giống thương yêu nhau, con cái phải đồng thương, đồng chia khó, khổ cùng nhau, gánh vác nặng nề kiếp sanh, để rồi giải khổ thể xác, giải khổ tâm hồn, tức là đi đến cửa xã hội đại đồng, hạnh phúc, an lạc, rồi cả giải thoát kiếp luân hồi khổ.

Chẳng phải Thánh Thể là Hội Thánh phải tùng khuôn luật theo bản hòa ước mà thôi. Cả con cái Đức Thượng Đế cũng là hình ảnh sống của Ngài, cùng thực hiện chơn tướng hòa bình, hạnh phúc. Có phải Đức Ngài muốn toàn thể vậy chăng? Chúng ta quả quyết rằng nền Đại Đạo cốt ý là vậy. Cả Thánh Thể, cả môn đệ đều thay hình ảnh của Đức Thượng Đế, giục trống Lô Âm, khua chuông Bạch Ngọc, cầm phướn chiêu hồn, giục thúc chúng sanh thực hiện cho kỳ được đệ tam hòa ước này.

Bởi do nơi thất phạm, bội tín trong hai hòa ước trước đây, như loại đang đi trên con đường tiêu diệt lẫn nhau, tương tranh, tương đấu từng khắc, chẳng có công chánh, chẳng có bác ái hiện hữu. Nên, Đức Thượng Đế do nơi lòng đại từ, đại bi đến gieo nơi tâm hồn loài người hạt giống thương yêu, kiến tạo thế giới loạn lạc thành bình ổn. Mục tiêu rất rõ ràng, chúng ta không thể làm khác hơn khi nhìn nhận bản hòa ước ấy.

“Đêm Bản Đạo giảng Luật Thương Yêu, Quyền Công Chánh của Đức Chí Tôn đã đến kỳ Hòa Ước với chúng ta, để cả chơn truyền trong tâm hồn của ta. Bản Đạo giảng về Luật Yêu Thương và Quyền Công Chánh đối với lẽ sống hiện tại của nhưn loại. Chúng

ta đã ngờ thấy, cả toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này, các dân tộc, các quốc gia liệt cường bị đảo lộn rối loạn, nhơn loại không được hưởng thái bình của Đức Chí Tôn hứa hẹn là do nơi khuôn Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh không có hiện tượng tại thế này” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Đức Hộ Pháp đã thuyết rằng nhơn loại luôn muốn hòa bình miên viễn, họ luôn thương thuyết, luôn tìm phương pháp giải quyết vấn nạn thời cuộc của nhơn loại, ký biết bao nhiêu hiệp ước. Nhưng tất cả đều phản khắc nhau. Bởi vì họ quên đi mặt luật thương yêu và quyền công chánh. Bỏ luật khuôn luật ấy thì nhơn tâm điên đảo, khuynh nghiêng, không có căn bản, chuẩn mực theo khuôn linh. Tức nhiên xã hội loài người vẫn còn rối rắm, không có phương thoát khỏi cảnh nôi da, xáo thịt, đấu tranh không cùng tận.

Hội nghị thế giới giải quyết chiến tranh, nhưng thiếu luật căn bản thương yêu, thì dầu có bàn mãi, hình tướng thế giới vẫn chuốc sâu, đeo thắm, thậm chí tàn sát lẫn nhau, đối đầu trên mọi phương diện. Vì vậy, hòa bình cũng chỉ là ước vọng, là hoạt động mò kim nơi đáy biển.

“Chúng ta đã ngờ thấy chán chường, thiên hạ đã nói tìm hòa bình, mà trong hòa bình ấy luật thương yêu không có hiện diện không có kết liễu hình tướng được, thì họ chỉ mò trăng nơi đáy biển mà thôi” [Thuyết Đạo của ĐHP].

May thay, Đức Thượng Đế đã ban cho nhơn loại thời kỳ khuôn bách tâm hồn, thức tỉnh lòng người, lại buộc chúng sanh phải thực hiện khuôn khổ ấy để đi đến đại đồng. Ngược lại, Đức Ngài đòi cho ta ngôi vị thiêng liêng. Ngày nào đạo Cao Đài với toàn thể ý thức và thực hiện cho lý tưởng ấy, thánh hóa bản hòa ước thì đạo mới thành tựu. Ngày nào, nhơn loại biết dụng luật và quyền ấy thì mới mong thoát cảnh tương tranh, đi đến cửa hòa bình. Nếu chẳng như thế, con đường tự diệt không sao tránh khỏi.

Để thay lời kết, xin trích lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp:

“Đức Chí Tôn Ngài đến ký hòa ước với loài người nhưt là dân tộc Việt Nam trước cái đã, mấy người làm Thánh Thể cho tôi, đặng tôi phụng sự cho Vạn Linh, thì tôi sẽ lập vị Thần, Thánh, Tiên, Phật lại cho mấy người. Nếu các người chịu thì ký hòa ước với tôi, hể các người làm tôi cho con cái của tôi cho vừa sức của tôi muốn, hay vừa ý của tôi định thì tôi sẽ trả lụng lại là lập ngôi vị cho mấy người trong Thánh Thể ấy, tôi đã định phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, tôi đã lập vị sẵn cho mấy người, mà mấy người đoạt được tại mặt thể này, tới chừng về cõi vô hình tôi không chối cãi gì hết, trái lại còn trả hơn khi mấy người phụng sự cho Vạn Linh tại mặt thể này nữa là khác”.

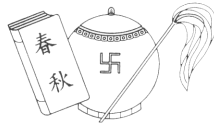
Qua đó, chúng ta đã thấy sự vinh diệu và hồng ân to lớn của Đức Thượng Đế ban cho nhơn sanh

ngày nay. Đó không phải là hòa ước nói suông, mà buộc toàn thể phải noi khuôn khổ đó, lập đời sống Cao Đài, làm con tế vật cho Đức Ngài, ra công phổ độ chúng sanh, thì ơn huệ nơi Ngài sẽ đáp trả lại vô vàn hơn nữa. Chúng ta nhìn nhận bản hòa ước là công thức đơn giản theo chơn truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một phép độ rỗi, làm cho xã hội loại người thức tỉnh cảnh tượng tàn, hướng đến hòa bình dân chủ và giải thoát lấy mình.

Đối với người đạo Cao Đài, thông qua việc luận giảng về việc pháp trần thân Tam Thánh trên bửu ảnh của Đức Hộ Pháp, chúng ta đã thấy tầm quan trọng của hòa ước trong nền tôn giáo tân kỳ này, nó có ý nghĩa lớn lao với Hội Thánh, sứ mạng của Thánh Thể Đức Thượng Đế, trách vụ của mỗi môn đệ đối với nền đạo.

Đức Hộ Pháp phải dùng 09 cây nhang để thực hiện nghi lễ trần thân, cho Tam Thánh nhập vào tượng ảnh. Đạo không phải riêng của dân tộc Việt Nam hưởng mà thôi, Đức Thượng Đế chỉ giao Việt Nam mở đạo. Bửu ảnh Tam Thánh ký hòa ước dạy ra theo Đức Hộ Pháp thuyết giảng phải để ở Hiệp Thiên Đài cho cả thiên hạ đều thấy để lòng nghe tiếng gọi thiêng liêng, khởi nguyên giai đoạn đưa vạn linh thức tỉnh kiếp sống, trở về từng khuôn khổ như hòa ước, tức là nền Đại Đạo. Đó là chủ nghĩa Đại Đồng của đạo Cao Đài để truyền thừa bảy trăm ngàn năm.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 29-05-2022
Khai Tâm Quách Minh Chương – 2022



Khai Tâm Quách Minh Chương